

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ X
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2017
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và ông Nguyễn Trọng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Bon H, xã D, thị xã X, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh V, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Bon H, xã D, thị xã X, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T chung sống với anh V có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 08/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã D, thị xã X, tỉnh Đắk Nông. Quá trình chung sống chị T và anh V không hạnh phúc, anh V không có trách nhiệm với gia đình, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Chị T và anh V không có tiếng nói chung, vợ chồng không tôn trọng, yêu thương nhau. Chị T và anh V đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, thời gian sống ly thân thì chị T và anh V không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị T và anh V có một con chung là cháu N, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2014. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành là đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh V không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V trình bày giống với chị T về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống thời gian đầu. Anh cho rằng, giữa anh và chị T thỉnh thoảng có cãi vã, gây gổ nhưng chỉ là những mâu thuẫn thường ngày trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân do vợ chồng ít chia sẻ với nhau, anh V vẫn còn rất yêu thương vợ con và nhận thấy những mâu thuẫn này chưa đến mức trầm trọng nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh V không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có một con chung như chị T trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho anh V và chị T ly hôn, anh V có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành là đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh V vắng mặt không có lý do; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì bổ sung

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật, hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích những nội dung của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T: Về quan hệ hôn nhân: Chị T ly hôn với anh V; về con chung: Giao con chung là N, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2014 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành là đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Chị T và anh V có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V hiện trú tại Bon H, xã D, thị xã X, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân thị xã X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh V.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T chung sống với anh V có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị T và anh V đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, chị T và anh V đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm đến nhau. Theo chị T cuộc sống hôn nhân của chị lâm vào tình trạng trầm trọng, các bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh V cho rằng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh V cư trú cho thấy: Chị T và anh V thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng sau đó thì mâu thuẫn trầm trọng, anh V không quan tâm tới gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là đúng pháp luật, cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 56 Ly hôn theo yêu cầu của một bên,

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh V có một người con chung, xét nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng con, chị T có công việc và thu nhập ổn định nên việc giao con chung cho chị T nuôi sẽ đảm bảo tốt về mọi mặt cho con; việc cấp dưỡng chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu được nuôi con của anh V: Hội đồng xét xử thấy rằng anh V không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho thu nhập của mình để đảm bảo điều kiện về mọi mặt của cháu N khi giao cho anh V nuôi nên không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh V không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T ly hôn với anh V.

Về con chung: Giao con chung là N, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2014 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành là đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp anh V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V.

Chị T có quyền yêu cầu anh V thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình; yêu cầu anh V cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh V không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001628 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX. X;
- Chi cục THADS TX. X;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến